



Những phát triển mới của Luật biển quốc tế dưới ánh sáng của một số án lệ gần đây¹

Pierre Klein*

*Trung tâm Luật Quốc tế, Đại học Libre de Bruxelles, Vương quốc Bỉ
C.P. 137 Đại lộ Roosevelt, 50 - 1050 - Bruxelles, Vương quốc Bỉ*

Ngày nhận 04 tháng 8 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 9 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 9 năm 2018

Tóm tắt: Bài viết khái lược và phân tích những phát triển mới của Luật biển quốc tế thông qua một số án lệ quốc tế gần đây, đặc biệt là thông qua phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ Philippines kiện Trung Quốc về các vấn đề ở Biển Đông. Những phát triển được đề cập, phân tích liên quan đến những vấn đề: cơ chế giải quyết tranh chấp theo Công ước Luật biển của Liên Hợp quốc năm 1982; Phạm vi và cơ sở các quyền của quốc gia đối với các vùng biển; Vấn đề phân định biển, tầm quan trọng của thỏa thuận và kết quả công bằng; Quyền, nghĩa vụ của quốc gia trong bảo vệ môi trường biển. Thông qua các phân tích, đánh giá được thực hiện, bài viết cũng khẳng định vai trò trung tâm của Công ước Montego Bay của Liên Hợp quốc về Luật biển, đúng với tên gọi là "*Hiến chương của biển và đại dương*".

Từ khóa: Luật biển, vụ Philippines kiện Trung Quốc, công ước Luật biển năm 1982 (UNCLOS); Biển Đông.

Giới thiệu

Trong những năm gần đây, các vấn đề về Luật biển đã trở thành đối tượng tranh cãi phổ biến trong các án lệ quốc tế, hoặc theo cơ chế giải quyết tranh chấp "*truyền thống*" mà Tòa án công lý quốc tế của Liên Hợp quốc (ICJ) là tiêu biểu, hoặc theo cơ chế phức hợp được thiết lập bởi Công ước Montego-Bay của Liên Hợp quốc về Luật biển (UNCLOS). Số lượng các án lệ

này hiển nhiên đã góp phần vào việc làm phong phú, sáng tỏ thêm các nguyên tắc, quy định về luật biển - một trong những lĩnh vực cấu thành quan trọng của Luật quốc tế. Các án lệ gần đây về luật biển - được đề cập trong bài viết này - diễn ra ở tất cả các châu lục: châu Mỹ La-tinh (vụ Pê-ru kiện Chilê); châu Âu (vụ Roumania kiện Ukraina); châu Phi (vụ Ghana kiện Bờ Biển Ngà); và đương nhiên cả châu Á (vụ Bangladesd kiện Myanma; đặc biệt vụ Philippines kiện Trung Quốc). Trước khi đi vào nội dung chính, bài viết khái quát lại cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS và hiệu quả hoạt động của nó.

* ĐT.: 84-32-26503404.

Email: piklein@ulb.ac.be

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4175>

¹Dịch giả: Nguyễn Tiến Vinh - Khoa Luật, ĐHQGHN

1. Cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS

Trước hết, cần nhắc lại là trong Luật quốc tế, không có quy định yêu cầu các quốc gia giải quyết các tranh chấp một cách bắt buộc². Hệ quả đương nhiên của nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của quốc gia là nguyên tắc chỉ có thể khởi kiện quốc gia ra trước một cơ chế tài phán quốc tế nếu có sự đồng ý của quốc gia đó (sự đồng ý hay chấp thuận này có thể được thể hiện một cách nguyên tắc từ trước như việc quốc gia tuyên bố chấp nhận thẩm quyền của ICJ theo quy định của khoản 1 điều 36 Quy chế của ICJ). Về điểm này, những người đàm phán, soạn thảo UNCLOS - thường được gọi là Hiến chương của biển và đại dương - đã chứng tỏ một tham vọng lớn hơn, bằng cách quy định trong UNCLOS một cơ chế giải quyết tranh chấp mang tính ràng buộc cao hơn, gần với một cơ chế mang tính bắt buộc. Tính ràng buộc này thể hiện ở Phần XV của Công ước, trong đó Điều 286 quy định rằng với một số điều kiện, những tranh chấp liên quan đến giải thích Công ước “ [...] được đưa ra bởi một bên tranh chấp”, giải quyết theo một trong những “*thủ tục bắt buộc dẫn đến những phán quyết bắt buộc*”. Tuy nhiên, tính bắt buộc này không trọn vẹn, cho phép các quốc gia đưa ra tuyên bố loại trừ khỏi cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc một số loại tranh chấp nhất định. Theo Điều 298 của Công ước, được đề cập đến trong khả năng này bao gồm những tranh chấp liên quan đến phân định biển, danh nghĩa quyền hay đến vịnh lịch sử (tranh chấp về các vịnh hay danh nghĩa lịch sử), đến các hoạt động quân sự, hoặc là những tranh chấp mà Hội đồng Bảo an của Liên Hợp quốc đang thụ lý giải quyết. Ý nghĩa của quy định loại trừ này đã được làm sáng tỏ trong vụ việc Biển Nam Trung Hoa (Biển Đông) (Vụ Philippines kiện Trung Quốc) sau khi có những tranh luận về hiệu lực của Tuyên bố mà Trung Quốc đưa ra năm 2006 theo quy định của điều 298 của UNCLOS.

² Điều 33 của Hiến chương Liên Hợp quốc chỉ đề cập đến nguyên tắc giải quyết tranh chấp quốc tế bằng các biện pháp hòa bình, tuy nhiên không buộc các quốc gia phải giải quyết tranh chấp theo một phương thức nhất định nào đó.

Trong vụ Philippines kiện Trung Quốc, Trung Quốc đã ngay lập tức bác bỏ thẩm quyền của Trọng tài đồng thời tuyên bố không tham gia vào quy trình giải quyết tranh chấp với lập luận rằng đối tượng của vụ tranh chấp (đặc biệt vấn đề cơ sở pháp lý của “*đường chín đoạn*” yêu sách bởi Trung Quốc và quy chế của các thực thể ở Biển Đông) thuộc phạm vi của tuyên bố của Trung Quốc theo điều 298 khi mà, vẫn theo lập luận của Trung Quốc, tòa Trọng tài sẽ không thể giải quyết yêu cầu của Philippines nếu trước đó không giải quyết vấn đề phân định biển.

Tuy nhiên, dù với sự phản đối của Trung Quốc, thủ tục trọng tài vẫn được tiếp tục, dựa trên các quy định ở Phụ lục VII của Công ước (bao gồm cả việc chỉ định một trọng tài viên cho Trung Quốc bởi Chánh án Tòa án Quốc tế về Luật). Tòa trọng tài đã tiến hành đánh giá đặc biệt kỹ lưỡng từng quan điểm, vấn đề được nêu trong yêu cầu của Philippines để xác định xem liệu có vấn đề nào trong số chúng có liên quan đến phân định biển (hay các hoạt động quân sự) hay không. Bằng cách này, một số lập luận phản đối thẩm quyền của Tòa trọng tài đã bị bác bỏ ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng (năm 2015), một số lập luận khác về thẩm quyền đã được Tòa trọng tài xem xét gắn với quá trình xem xét nội dung vụ kiện. Thực tế, phần lớn các lập luận từ chối thẩm quyền loại này đã bị Tòa trọng tài bác bỏ trong phán quyết cuối cùng vào tháng 7 năm 2016.

Có thể thấy qua vụ việc nêu trên, cơ chế giải quyết tranh chấp được thiết lập bởi UNCLOS đã mang trong mình khả năng tự khắc phục những trở ngại. Theo đó, quá trình giải quyết tranh chấp có thể vẫn được tiến hành ngay cả khi không có sự tham gia một trong các bên. Giống như các tình huống đã xảy ra trước đây tại các thiết chế tài phán quốc tế khác (đặc biệt là tại ICJ, trong vụ *về nhân viên ngoại giao và lãnh sự Hoa Kỳ tại Tehran* [1] và Vụ *các hoạt động quân sự ở Nicaragua và chống lại Nicaragua* [2]), trong suốt quá trình tố tụng, Tòa trọng tài đã xem xét các quan điểm và lập luận pháp lý của bên vắng mặt là Trung Quốc.

Liên quan đến các quy phạm nội dung của UNCLOS, sự phát triển về cơ bản thể hiện ở ba vấn đề đáng chú ý sau: *thứ nhất*, làm rõ thêm cơ sở và phạm vi các quyền thừa nhận cho các quốc gia đối với các vùng biển khác nhau; *thứ hai*, những phát triển được khẳng định trong hoạt động hoạch định, phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; *cuối cùng*, những nguyên tắc về trách nhiệm được đặt ra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển.

2. Phạm vi và cơ sở các quyền của quốc gia đối với các vùng biển

Những lí giải quan trọng làm sáng tỏ phạm vi và cơ sở các quyền của quốc gia đối với các vùng biển đã được đưa ra trong phán quyết của Trọng tài năm 2016 trong vụ việc ở Biển Đông. Những giải thích này đồng thời liên quan đến cơ sở pháp lí của các quyền của quốc gia hiện nay đối với các vùng biển, và nội hàm của các khái niệm “đảo” và “đá”. Theo quy định của UNCLOS, hai loại thực thể này có quy chế pháp lí rất khác nhau. Chúng ta sẽ lần lượt thảo luận về chúng.

Liên quan đến loại thực thể thứ nhất, là đảo, Phán quyết của Trọng tài năm 2016 đã đưa ra một nguyên tắc quan trọng, nêu rõ rằng tất cả các quyền của quốc gia tham gia UNCLOS chỉ được xác định dựa trên duy nhất là Công ước. Chính nguyên tắc này đã khiến các trọng tài viên bác bỏ bất kỳ yêu sách nào dựa trên quyền lịch sử tại Biển Đông, bao gồm cả yêu sách “đường chín đoạn” của Trung Quốc. Vào năm 2009, phản ứng lại hồ sơ mà Malaysia và Việt Nam cùng nộp lên Ủy ban Ranh giới thềm lục địa, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã đưa ra một bản đồ có xuất hiện “đường chín đoạn”, đi liền với tuyên bố sau:

“Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các đảo ở Biển Đông và các vùng biển kề cận, có quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển (xem bản đồ kèm theo). Quan điểm này luôn được Chính phủ Trung Quốc duy trì và được cộng đồng quốc tế biết đến rộng rãi” [3].

Đây là yêu sách chính thức đầu tiên của Trung Quốc về “đường chín đoạn” gây tranh cãi, chỉ bắt đầu xuất hiện trên những bản đồ được xuất bản ở Trung Quốc trong những năm sau khi Thế chiến II kết thúc [4].

Yêu sách “đường chín đoạn” của Trung Quốc đã bị các quốc gia bên bờ Biển Đông liên tục và khẳng khái bác bỏ [5]. Đặc biệt, Philippines đã phản đối mạnh mẽ yêu sách này, và như đã nói, điều này lí giải tại sao câu hỏi về sự phù hợp của nó với các quy tắc cơ bản của luật pháp quốc tế áp dụng cho vấn đề này lại được Tòa trọng tài xem xét kĩ lưỡng. Trong nội dung thứ hai của đơn khởi kiện của mình, Philippines đã yêu cầu Tòa trọng tài xét xử và ra phán quyết rằng tuyên bố của Trung Quốc về “các quyền lịch sử” đối với các vùng biển bao gồm trong “đường chín đoạn” là trái với các quy định của UNCLOS và sẽ không có hiệu lực pháp lí, vượt quá những quyền mà Trung Quốc được hưởng theo Công ước [6, §169]. Các trọng tài viên đã thể hiện một quan điểm rất rõ ràng về vấn đề này, theo hướng ủng hộ quan điểm của Philippines, đồng thời nhấn mạnh rằng UNCLOS không thừa nhận một chút nào cho cái gọi là “các quyền lịch sử” nếu các quyền này đi ngược lại các điều khoản của Công ước:

“Trung Quốc đã tuyên bố quan điểm của mình rằng “các quyền liên quan ở Biển Đông đã được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài” được “bảo vệ bởi Luật quốc tế, bao gồm cả Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS)”. Trong giới hạn mà các quyền liên quan của Trung Quốc bao gồm tuyên bố về các quyền lịch sử đối với các nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật trong phạm vi “đường chín đoạn”, mà một phần nằm trong các vùng biển đáng lí thuộc về vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa của Philippines, Tòa trọng tài không thể đồng ý với quan điểm này. Công ước không có bất kỳ một điều khoản rõ ràng nào nhằm bảo tồn hoặc bảo vệ các quyền lịch sử không phù hợp với Công ước. Ngược lại, Công ước thay thế cho các quyền và thỏa thuận tồn tại từ trước đó trong phạm vi những gì được cho là không tương thích với Công ước. Công ước đã quy định rất đầy đủ quy chế pháp lí của

vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và các quyền của các quốc gia khác trong từng vùng biển này. Yêu sách chủ quyền của Trung Quốc đối với các quyền lịch sử không tương thích với những quy định này của Công ước” [6, §246].

Từ những lập luận trên, các trọng tài đã đi đến kết luận cuối cùng là:

“Yêu sách của Trung Quốc về các quyền lịch sử đối với các nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật trong phạm vi “đường chín đoạn” là không phù hợp với Công ước trong chừng mực yêu sách này vượt quá phạm vi giới hạn đối với các vùng biển được thừa nhận cho Trung Quốc theo quy định của Công ước” [6, §261].

Như vậy, phán quyết này là một sự lên án mạnh mẽ đối với các yêu sách của Trung Quốc dựa trên “đường chín đoạn” và trên cái gọi là “các quyền lịch sử”, những thứ không thể tìm thấy cơ sở pháp lý nào trong UNCLOS.

Một đóng góp quan trọng khác của Phán quyết Trọng tài 2016 là, như đã nói ở trên, đã làm rõ các khái niệm về “đảo” và “hòn đảo đá” trong Điều 121 của Công ước UNCLOS. Điều khoản này quy định rằng chỉ có các đảo mới có thể tạo ra, trong các vùng biển bao quanh nó, những quyền giống với các quyền của các “lãnh thổ khác”. Về điểm này, Công ước đưa ra một sự phân biệt giữa khái niệm “đảo” - theo nghĩa như đã được đề cập đến - và “các hòn đảo đá không phù hợp cho con người đến ở hoặc có một đời sống kinh tế riêng”. Với những đảo đá, theo khoản 3 điều 121, chúng “không có vùng đặc quyền kinh tế cũng như thềm lục địa riêng” và do đó chỉ tạo ra các quyền đối với lãnh hải. Vấn đề về sự khác biệt trong điều 121 giữa “đảo” và “đảo đá” đã đặt ra nhiều câu hỏi, đặc biệt là trong bối cảnh cho đến tận thời gian gần đây, các án lệ quốc tế hầu như vẫn chưa cung cấp những dữ liệu để có thể làm rõ nội hàm hay giúp giải thích rõ các khái niệm này [7, tr.99-124]. Tuy nhiên, trong vụ việc ở Biển Đông, Trọng tài đã đưa ra những yếu tố làm sáng tỏ quy chế pháp lý của các thực thể chủ yếu của Trường Sa.

Từ những lập luận trên, các trọng tài đã đi đến kết luận cuối cùng là:

“Yêu sách của Trung Quốc về các quyền lịch sử đối với các nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật trong phạm vi “đường chín đoạn” là không phù hợp với Công ước trong chừng mực yêu sách này vượt quá phạm vi giới hạn đối với các vùng biển được thừa nhận cho Trung Quốc theo quy định của Công ước” [6, §247].

Như vậy, phán quyết này là một sự lên án mạnh mẽ đối với các yêu sách của Trung Quốc dựa trên “đường chín đoạn” và trên cái gọi là “các quyền lịch sử”, những thứ không thể tìm thấy cơ sở pháp lý nào trong UNCLOS.

Một đóng góp quan trọng khác của Phán quyết Trọng tài 2016 là, như đã nói ở trên, đã làm rõ các khái niệm về “đảo” và “hòn đảo đá” trong Điều 121 của Công ước UNCLOS. Điều khoản này quy định rằng chỉ có các đảo mới có thể tạo ra, trong các vùng biển bao quanh nó, những quyền giống với các quyền của các “lãnh thổ khác”. Về điểm này, Công ước đưa ra một sự phân biệt giữa khái niệm “đảo” - theo nghĩa như đã được đề cập đến - và “các hòn đảo đá không phù hợp cho con người đến ở hoặc có một đời sống kinh tế riêng”. Với những đảo đá, theo khoản 3 điều 121, chúng “không có vùng đặc quyền kinh tế cũng như thềm lục địa riêng” và do đó chỉ tạo ra các quyền đối với lãnh hải. Vấn đề về sự khác biệt trong điều 121 giữa “đảo” và “đảo đá” đã đặt ra nhiều câu hỏi, đặc biệt là trong bối cảnh cho đến tận thời gian gần đây, các án lệ quốc tế hầu như vẫn chưa cung cấp những dữ liệu để có thể làm rõ nội hàm hay giúp giải thích rõ các khái niệm này [7, tr.99-124]. Tuy nhiên, trong vụ việc ở Biển Đông, Trọng tài đã đưa ra những yếu tố làm sáng tỏ quy chế pháp lý của các thực thể chủ yếu của Trường Sa.

Các trọng tài được yêu cầu đưa ra phán quyết về quy chế của thực thể địa lý quan trọng nhất của quần đảo Trường Sa - Đảo Itu Aba (Đảo Ba Bình), bởi đây là điều kiện tiên quyết để ra phán quyết đối với một số yêu cầu của Philippines về quy chế pháp lý các thực thể khác nhau mà Philippines cho rằng thuộc vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của họ [8]. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để giải quyết những yêu cầu của Philippines liên quan đến các hoạt

động do Trung Quốc tiến hành trong các khu vực mà Philippines tuyên bố là một phần của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của họ [9]. Như các trọng tài đã chỉ ra, việc thừa nhận một trong những thực thể mà Trung Quốc yêu sách ở quần đảo Trường Sa là một hòn đảo theo nghĩa của điều 121, khoản 2 của UNCLOS sẽ dẫn đến sự tồn tại của vùng chồng lấn của các yêu sách của hai quốc gia đối với các vùng biển có liên quan và do đó cản trở Tòa trọng tài thực hiện thẩm quyền của mình đối với vụ việc, biết rằng thẩm quyền này của Tòa trọng tài bị loại trừ đối với mọi vấn đề liên quan đến phân định biển [6, §§393, 395]. Tòa trọng tài đã tiến hành giải thích cực kỳ chi tiết và tỉ mỉ các nội dung của điều 121, khoản 3 [6, §§478-503], tiếp đó xem xét đến bối cảnh của điều khoản này, đồng thời cũng tính tới đối tượng và mục đích của Công ước [6, §§507-520], cuối cùng xem xét các tài liệu dự thảo, trừ bị trong quá trình đàm phán, soạn thảo (travaux préparatoires) điều khoản này [6, §§522-538]. Các kết luận chính đạt được bởi các trọng tài viên về vấn đề này như sau:

- Ngay cả khi điều 121, khoản 3 sử dụng thuật ngữ “đá” thì cấu tạo địa chất vẫn không đóng vai trò quan trọng với việc xác định quy chế pháp lý của cấu trúc có liên quan [6, §540].

- Quy chế của thực thể phải được xác định dựa trên tiềm năng tự nhiên của nó, mà không có những tác động bên ngoài và không có sự sửa đổi nhằm tăng tiềm năng của nó trong việc đáp ứng sự cư trú của con người hay có một đời sống kinh tế riêng [6, §541].

- Yếu tố căn bản cần được tính đến khi đánh giá tiêu chí “*thích hợp cho con người đến ở*” phải là sự cư trú thường xuyên, theo nghĩa là những người cư ngụ tại nơi này có thể được coi là cấu thành nên dân số tự nhiên, ổn định của cấu trúc có liên quan [6, §542].

- Khái niệm “*đời sống kinh tế riêng*” liên quan mật thiết đến khái niệm thích hợp cho con người đến ở theo nghĩa đời sống kinh tế đó là của những người cư trú trên cấu trúc địa lý đó; đời sống kinh tế phải được tập trung vào và hướng tới cấu trúc địa lý có liên quan [6, §543].

- Điều 121 đề cập đến *khả năng* về sự thích hợp cho con người đến ở hoặc có một đời sống kinh tế riêng của cấu trúc địa chất chứ không phải thực tế là nó đang, hoặc đã có người cư trú trong một thời điểm nhất định, hoặc đã có một sự tồn tại một đời sống kinh tế riêng; tiềm năng này là một yếu tố khách quan, có thể được đánh giá độc lập với bất kỳ sự xem xét nào về chủ quyền đối với cấu trúc địa chất [6, §544].

- Việc đánh giá khả năng nêu trên phải được thực hiện trên cơ sở từng trường hợp cụ thể và không dựa trên các tiêu chí chung trừu tượng [6, §545].

Tuy nhiên, Tòa trọng tài thừa nhận rằng trong khi có một số trường hợp rất rõ ràng (ví dụ, trên cấu trúc đó không có nguồn nước uống, không có thảm thực vật hay những phương tiện sinh kế và rõ ràng là không thích hợp cho con người đến ở) thì cũng có những trường hợp không rõ ràng như vậy, dẫn đến việc không thể kết luận một cách dứt khoát cho mọi trường hợp. Các trọng tài thấy rằng trong trường hợp này, tiềm năng không thể được đánh giá trên cơ sở duy nhất là các đặc tính vật lý của thực thể, và rằng việc cấu trúc đó được sử dụng thế nào trong lịch sử cũng là nhân tố quan trọng để đánh giá [6, §§548-549]. Tuy nhiên, các trọng tài cũng chỉ ra rằng sự hiện diện của một quần thể dân cư thuần túy để thực hiện công vụ hoặc với tính chất quân sự được tiếp tế từ bên ngoài không phải là bằng chứng cho thấy cấu trúc đó thích hợp cho con người đến ở, bởi vì một kết luận như vậy sẽ trái với mục đích theo đuổi của khoản 3 điều 121 (giới hạn các yêu sách không có cơ sở của các quốc gia trên các khu vực hàng hải quan trọng) [6, §550].

Tòa trọng tài sau đó áp dụng các tiêu chí này vào trường hợp cụ thể của quần đảo Trường Sa. Từng cấu trúc thuộc quần đảo này đã được xem xét, nghiên cứu dựa trên một bộ các tài liệu lịch sử và khoa học. Các trọng tài đã nhận định rằng việc chiếm đóng gần như toàn bộ các cấu trúc của Trường Sa bởi các nước ven Biển Đông, việc triển khai trên các cấu trúc này những đơn vị quân sự được tiếp tế từ bên ngoài và rất nhiều những thay đổi căn bản được thực hiện so với cấu trúc địa lý tự nhiên ban đầu của

các cấu trúc này đã tạo thành những cơ sở cho các trọng tài ưu tiên sử dụng những dữ liệu từ các tài liệu lịch sử, hơn là sử dụng những đặc điểm hiện tại của các cấu trúc đó [6, §578].

Tòa trọng tài sau đó đề cập đến các tài liệu lịch sử về sự hiện diện của nước và giếng nước [6, §§580-584], của thảm thực vật [6, §§585-593], của đất có thể canh tác [6, §§ 594-596], cũng như sự hiện diện của ngư dân [6, §§597-601] và các hoạt động thương mại [6, §§602-614] trên các cấu trúc chính của Trường Sa. Các tài liệu này cho thấy, dù các cấu trúc được xem xét có thể cho phép một nhóm nhỏ cá nhân sống sót [6, §615] thì sự cư trú tạm thời của ngư dân, thậm chí trong một khoảng thời gian đáng kể, cũng không đủ để kết luận rằng tiêu chí về khả năng cho phép con người đến ở đã được đáp ứng [6, §618]. Trong các tài liệu, không hề nói tới bất kỳ ý định nào của ngư dân nhằm biến một cấu trúc nào đó của Trường Sa thành nơi cư trú. Trái lại các tài liệu này đều cho thấy các hòn đảo của Trường Sa đã chỉ được nhìn nhận như những nơi trú ẩn tạm thời. Sau khi kết thúc mùa đánh cá, các ngư dân lại trở về nơi cư trú chính của họ trên đất liền hoặc trên đảo Hải Nam [6, §618]. Các kết luận tương tự cũng được các trọng tài đưa ra khi xem xét các hoạt động thương mại được thực hiện trong những thời điểm nhất định tại Trường Sa, chủ yếu là do các nhà khai thác Nhật Bản. Các hoạt động này không nhằm mục đích đưa các công nhân đến đảo để định cư lâu dài. Các tài nguyên được khai thác tại Trường Sa là vì lợi ích của quần thể Formosa và Nhật Bản [6, §619]. Kết luận này cũng đúng với sự hiện diện của quân đội các nước khác nhau trên hầu hết các đảo của Trường Sa. Sự hiện diện quân sự này được thúc đẩy bởi các tính toán mang tính chiến lược và rõ ràng là các cá nhân có liên quan không có ý định cư trú ở những nơi này trong dài hạn [6, §620]. Cuối cùng, các hoạt động kinh tế, chủ yếu tập trung vào việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên (phosphate), không thể coi là biểu hiện của một “*đời sống kinh tế riêng*” bởi chúng không tập trung vào việc phục vụ cư dân bản địa [6, §§623-624].

Tất cả những nhận định trên đây đã dẫn Tòa trọng tài đến kết luận rằng không có cấu trúc chính nào của Trường Sa - như Ba Bình, Thị Tứ, Bến Lạc, Trường Sa Lớn, Song Tử Đông và Song Tử Tây có thể được coi là đảo có khả năng tạo ra vùng đặc quyền kinh tế hoặc thềm lục địa riêng [6, §§625-626]. Như vậy, khả năng tương tự cũng không thể tồn tại đối với các cấu trúc ít quan trọng hơn của quần đảo Trường Sa. Quyền duy nhất mà các cấu trúc địa lí đó có được, khi trong trạng thái tự nhiên ban đầu chúng luôn nổi trên mặt nước biển, là quyền có một vùng lãnh hải trong phạm vi 12 hải lí.

3. Vấn đề phân định biển, tầm quan trọng của thỏa thuận và kết quả công bằng

Các nguyên tắc áp dụng cho việc phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa được quy định tại các điều 74 và 83 của UNCLOS. Những điều khoản này đề cập đến sự thỏa thuận của các quốc gia liên quan “*nhằm đạt được một giải pháp công bằng*”. Vấn đề về sự tồn tại của một thỏa thuận giữa các bên đã được giải quyết trong hai vụ việc gần đây. Chúng ta sẽ đề cập đến vấn đề này trong hai án lệ đó, và sau đó sẽ xem xét đến các phương pháp phân định cho phép dẫn đến một kết quả công bằng.

Sự tồn tại của thỏa thuận phải mang tới kết quả là vấn đề phân định ranh giới biển không còn được đặt ra nữa mà đã được giải quyết một cách triệt để bằng sự thỏa thuận của hai bên. Trên thực tế, trong nhiều tình huống, chính sự tồn tại của một thỏa thuận như vậy và việc xác định phạm vi hiệu lực của nó trở thành chủ đề tranh luận. Điều này đúng đối với các thỏa thuận bằng văn bản [10], nhưng thậm chí nó còn gây nhiều tranh cãi hơn khi đó là sự tồn tại của một thỏa thuận ngầm định giữa các bên và được viện dẫn bởi một trong số họ. Về vấn đề này, Tòa án ICJ tự thấy mình đối mặt với một nhiệm vụ tương đối dễ dàng trong Vụ việc Peru kiện Chilê, vì trong vụ việc này, đã có một văn bản thỏa thuận xác nhận một thỏa thuận ngầm định trước đó. Trong phán quyết của mình năm

2014, Tòa án tuyên bố “*thỏa thuận năm 1954 về một vùng ranh giới biển đặc biệt không chỉ ra được thời điểm nào và bằng cách nào mà đường biên giới đó được thống nhất. Việc thừa nhận công khai về sự tồn tại của các bên liên quan về đường phân định này nhất thiết phải dựa trên một thỏa thuận ngầm định trước đó mà các bên đã đạt được*” [11, tr.3]. Tuy nhiên, Tòa án cho rằng thỏa thuận giữa các bên chỉ có hiệu lực đối với một phạm vi địa lý hạn chế và không tạo thành cơ sở đủ để phân định tất cả các khu vực hàng hải đang tranh chấp giữa các bên trong trường hợp này. Do đó, Tòa đã cho áp dụng thỏa thuận cho một phân đoạn đầu tiên của ranh giới hàng hải lên đến 80 hải lý từ bờ biển, trước khi tiến hành vạch ra một đường phân định mới “*de novo*” tiếp theo đường phân định này bằng cách áp dụng phương pháp cách đều và những hoàn cảnh thích hợp. Phán quyết có một giá trị án lệ mới, bên cạnh những giá trị khác, đó là có thể kết hợp nhiều cơ sở để thực hiện việc phân định ranh giới, áp dụng cho các phân đoạn khác nhau của đường phân định.

Câu hỏi về sự tồn tại của một thỏa thuận ngầm trong phân định cũng là trọng tâm của các bên vụ tranh chấp phân định ranh giới biển giữa Ghana và Bờ Biển Ngà ở Đại Tây Dương (vụ Ghana kiện Côte d'Ivoire) hiện đang được giải quyết bởi một tòa đặc biệt của Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS). Trong quá trình tranh tụng, Ghana khẳng định sự tồn tại của một thỏa thuận ngầm định giữa hai quốc gia đạt được tại thời điểm hai nước giành được độc lập, theo đó biên giới hàng hải chung của họ sẽ được hình thành bởi một đường cách đều. Lập luận này bị Bờ Biển Ngà bác bỏ, theo đó các bên nhất trí về đường giới hạn mà các bên có quyền ký các thỏa thuận nhượng quyền về dầu mỏ, điều mà bất cứ trường hợp nào cũng không được coi là đường phân định biên giới quốc tế theo án lệ ổn định của ICJ [10]. Như vậy, trách nhiệm của Tòa là căn cứ vào những dữ liệu cụ thể của vụ việc để xác định có tồn tại hay không một thỏa thuận ngầm về phân định ranh giới biển chứ không đơn thuần chỉ là thỏa thuận về nhượng quyền về dầu khí.

Nếu không có thỏa thuận - dù là bằng văn bản hay ngầm định, thì việc phân định ranh giới biển phải được làm mới “*de novo*” thông qua việc áp dụng các quy tắc của UNCLOS, như đã nói ở trên, để dẫn đến một yêu cầu căn bản là có một kết quả công bằng. Các quy định của Công ước không đề cập gì đến phương pháp phân định các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa [12]. Về mặt lý thuyết, các phương pháp này rất đa dạng: sử dụng đường vĩ tuyến hoặc đường kinh tuyến, đường chia cắt hoặc phương pháp đường cách đều/có tính đến hoàn cảnh. Tuy nhiên, thực tiễn gần đây cho thấy ưu thế rõ rệt của phương pháp đường cách đều/có tính đến hoàn cảnh trong các phán quyết quốc tế. Các tòa án quốc tế phân lớn ủng hộ phương pháp đường cách đều/có tính đến hoàn cảnh đối với các quốc gia có bờ biển tiếp liền hoặc đối nhau, bằng cách vạch ra một đường ranh giới tạm thời được tạo thành bởi đường trung tuyến “*lấy từ các điểm thích hợp nhất trên bờ biển của hai quốc gia có liên quan*” [13, tr.116-117]. Đường ranh giới này sau đó có thể được điều chỉnh để xem xét đến các hoàn cảnh có liên quan và cuối cùng là thử nghiệm lại nhằm tránh trường hợp đường phân định đó không tạo ra “*một sự mất cân xứng đáng chú ý giữa tỷ lệ chiều dài tương ứng của bờ biển và tỷ lệ các vùng biển có liên quan được phân bổ cho mỗi quốc gia*” [13, tr. 103]. Cách tiếp cận này đã được ICJ ưu tiên sử dụng trong vụ các tranh chấp giữa Rumania và Ucraina [13, tr.103] và gần đây nhất, trong vụ giữa Chile và Peru cho đoạn ranh giới trên biển nằm ngoài ranh giới đã được hình thành trên thỏa thuận của hai bên. Đây cũng là phương pháp được sử dụng trong vụ Bangladesh kiện Myanmar - vụ tranh chấp biên giới trên biển đầu tiên do ITLOS giải quyết. Trong vụ việc này, Tòa án đã bác bỏ các lập luận của Bangladesh về việc sử dụng phương pháp đường cắt ngang (đặc biệt là do độ lõm vào và sự bất ổn của các bờ biển trong khu vực được phân định) [12], được nhìn nhận bởi các trọng tài như là “*một phương pháp gần với phương pháp đường cách đều*” [12, §234], có thể cho kết quả khác nhau tùy thuộc vào dữ liệu được

sử dụng và do vậy là kết quả không chắc chắn [12, §§236-237].

Phương pháp đường cách đều/có tính đến các hoàn cảnh thích hợp cũng đã được Ghana bảo vệ trong tranh chấp phân định biển với Bờ Biển Ngà khi ITLOS không thừa nhận có một thỏa thuận ngầm về phân định trong trường hợp này [14, tr. 214, 230]. Bờ Biển Ngà cũng đồng ý với phương pháp này - ít nhất là trong trường hợp yêu cầu chính đã bị bác bỏ - đồng thời cho rằng việc tính đến các hoàn cảnh thích hợp trong vụ việc này dẫn đến một đường phân định hoàn toàn khác biệt so với đường phân định yêu sách bởi Ghana. Như vậy, có thể thấy có một khuynh hướng mạnh mẽ không thể chối cãi trong án lệ quốc tế về việc sử dụng đường cách đều/có tính đến những hoàn cảnh thích hợp, được minh chứng rõ ràng bởi “*mức độ chắc chắn mà đường cách đều đảm bảo, có tính đến những điều chỉnh cần thiết sau đó nếu có*” [14, §306].

4. Quyền, nghĩa vụ của quốc gia trong bảo vệ môi trường biển

Mặc dù UNCLOS đã dành rất nhiều điều khoản cho vấn đề bảo vệ môi trường biển, tuy nhiên cho đến gần đây, vấn đề này chỉ được đề cập trong một số rất ít các phán quyết quốc tế³. Tòa đặc biệt của ITLOS trong vụ phân định biển giữa Ghana và Bờ Biển Ngà đã được yêu cầu phán quyết về vấn đề này trong quyết định các biện pháp tạm thời của Tòa vào ngày 25 tháng 4 năm 2015. Đặc biệt, Tòa đã yêu cầu Ghana thực hiện “*kiểm soát nghiêm ngặt và liên tục các hoạt động do họ thực hiện hoặc với sự*

cho phép của họ trong khu vực tranh chấp nhằm ngăn ngừa những thiệt hại nghiêm trọng cho môi trường biển”. Phán quyết này có một ý nghĩa đặc biệt về môi trường, bởi vì nó cho thấy sự quan tâm của các quốc gia đến vấn đề môi trường, nhắc nhở đến nghĩa vụ của các quốc gia trong lĩnh vực này trong bối cảnh tranh chấp về phân định biển, nơi người ta dường như không trông đợi vấn đề môi trường được giải quyết.

Tuy nhiên, mối quan tâm này có ý nghĩa quan trọng hơn rất nhiều trong trường hợp vụ tranh chấp về Biển Đông bởi nó là cơ sở của nhiều lập luận, yêu cầu của Philippines. Trong phán quyết, Tòa trọng tài đã chấp nhận phần lớn yêu cầu của Philippines. Theo đó, Trung Quốc phải chịu trách nhiệm quốc tế vì đã vi phạm các nghĩa vụ theo UNCLOS qua hoạt động khai thác bởi ngư dân Trung Quốc các loài sinh vật được bảo vệ và những thiệt hại do các ngư dân này gây ra cho hệ sinh thái rạn san hô và bởi các phương pháp cải tạo đã được nhà chức trách Trung Quốc sử dụng để tăng diện tích các cấu trúc nước này chiếm đóng trên Biển Đông, cũng như bởi sự thiếu hợp tác quốc tế của nước này trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển.

Hai phán quyết nêu trên phù hợp với hệ thống các biện pháp được thiết lập bởi Công ước. Hệ thống đã đặt ra những trách nhiệm nhiệm rất lớn đối với các quốc gia thành viên liên quan đến các hoạt động do họ kiểm soát hoặc được thực hiện bởi những người thuộc thẩm quyền của những quốc gia đó, kể cả những hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển⁴.

5. Kết luận

Những vấn đề trình bày trong bài viết, tất nhiên, chỉ cung cấp một phần khái lược không

³ Ngoại lệ đáng kể trong trường hợp này là Vụ Săn bắt cá voi ở Bắc cực (la Chasse à la baleine dans l'Antarctique (Australie c. Japon (Nouvelle-Zélande intervenant), CIJ, arrêt du 31 mars 2014 (Rec. CIJ 2014); Tuy nhiên, trong vụ này cơ sở thẩm quyền không phải dựa trên UNCLOS, mà dựa trên một điều ước quốc tế cụ thể khác, là công ước quốc tế điều chỉnh hoạt động săn bắt cá voi và các quy định đi kèm. Cũng có thể nêu ra đây ví dụ khác là vụ Nhà máy MOX (l’Affaire de l’usine MOX (Irlande c. Royaume-Uni)) và vụ Cá ngừ (Thon à nageoire bleue (Australie et Nouvelle-Zélande c. Japon)). Hai vụ này đều không đi đến giai đoạn xét xử về nội dung.

⁴ Những nguyên tắc về trách nhiệm của Nhà nước cũng đã được Tòa án Quốc tế về Luật Biển đưa ra trong thời gian ngắn trước đó qua hai ý kiến tư vấn đầu tiên (Trách nhiệm và nghĩa vụ của các quốc gia tài trợ cho người và các tổ chức liên quan đến các hoạt động trong khu vực, ý kiến tư vấn ngày 1/2/2011. Yêu cầu lấy ý kiến tư vấn của Ủy ban Ngư dân Tiểu vùng (SRFC), ý kiến tư vấn ngày 2/4/2015).

đầy đủ và ngắn gọn về tầm quan trọng và sự phong phú của các án lệ quốc tế gần đây về luật biển. Dù vậy, nếu cần phải có một kết luận rút ra từ sự xem xét, đánh giá khái lược này thì chắc chắn đó là khẳng định về vai trò trung tâm của Công ước Montego Bay của Liên Hợp quốc về Luật biển, đúng với tên gọi là "*Hiến chương của biển và đại dương*" như đã được đề cập đến trong những dòng đầu tiên của bài viết. Vai trò này đã được thể hiện một cách rõ nét trải qua 35 năm kể từ khi Công ước - một văn bản then chốt của pháp luật quốc tế hiện đại - được thông qua.

Tài liệu tham khảo

- [1] Rec. CIJ. 1980.
- [2] Rec. CIJ. 1980.
- [3] Communication of China dated 7 May 2009 with regard to the joint submission made by Malaysia and Viet Nam to the Commission on the Limits of the Continental Shelf (CML/17/2009): http://www.un.org/depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/chn_2009re_mys_vnm_e.pdf
Communication of China dated 7 May 2009 with regard to the submission made by Viet Nam to the Commission of the Continental Shelf (CML/18/2009): http://www.un.org/depts/los/clcs_new/submissions_files/vnm37_09/chn_2009re_vnm.pdf
- [4] Li Jinming and Li Dexia, *The Dotted Line on the Chinese Map of the South China Sea: A Note*, Ocean Development & International Law, 2003, p. 290; Yann-huei Song and Peter Kien-hong Yu, *China's 'Historic Waters' in the South China Sea: an Analysis from Taiwan*, R.O.C, American Asian Review, 1999, p. 83.
- [5] Communication of Viet Nam dated 8 May 2009, n° 86/HC-2009: http://www.un.org/depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/vnm_chn_2009re_mys_vnm_e.pdf
Communication of the Philippines dated 5 April 2011: http://www.un.org/depts/los/clcs_new/submissions_files/vnm37_09/phl_re_chn_2011.pdf
Indonesia, Letter to the U.N. Secretary-General, Doc. 480/POL-703/VII/10, 8 July 2010 http://www.un.org/depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/idn_2010re_mys_vnm_e.pdf.
- [6] Sentence.
- [7] Erik Franckx, *The Regime of Islands and Rocks*, in D.J. Attard, M. Fitzmaurice et N.A.M. Gutiérrez, (s.l.d.), *The IMLI Manual on International Maritime Law*, Volume I, The Law of the Sea Oxford, Oxford University Press, 2014.
- [8] Demande n° 5 (Mischief Reef et Second Thomas Shoal).
- [9] Demandes n° 8 et 9.
- [10] Vụ Biên giới đất liền và trên biển giữa Cameroon và Nigeria (Cameroun c. Nigéria; Guinée équatoriale (intervenant)) (Rec. CIJ 2002).
- [11] Différend maritime (Pérou c. Chili), arrêt, CIJ Recueil 2014.
- [12] Différend relatif à la délimitation de la frontière maritime entre le Bangladesh et le Myanmar dans le Golfe du Bengale (Bangladesh/Myanmar), arrêt du 14 mars 2012.
- [13] Différend relatif à la Délimitation maritime en mer Noire (Roumanie c. Ukraine), Rec. C.I.J. 2009.
- [14] Phán quyết trọng tài Barbados/ Trinidad và Tobago, quyết định ngày 11 tháng 4 năm 2006, RSA, vol. XXVII.

Developments in the International Law of the Sea in Light of some Recent Judicial Decisions

Pierre Klein

*Centre for International Law, Libre de Bruxelles University,
C.P. 137 F.D. Roosevelt Avenue, 50 - 1050, Brussels, Belgium*

Abstract: This paper summarizes and analyzes the new developments in the international law of the sea through a number of recent international cases, particularly through the Arbitration's Award in the Philippines v. China Case over the East Sea. These developments include those related to the United Nations Convention on the Law of the Sea 1982, the basis and scope of national rights to different maritime zones; Maritime delimitation; the important role of agreement in maritime delimitation and the signification of equitable and fair outcomes; The rights and obligations of the State in the protection of the marine environment. Through its analysis and assessment, the article also confirms the central role of the United Nations Convention on the Law of the Sea, called the "Charter of the Sea and Oceans".

Keywords: International Law of the Sea, Philippines v. China Case, the United Nations Convention on the Law of the Sea 1982, the East Sea.